

## **Chương 1**

# **NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ**

**THOMAS BUERGENTHAL**

## **GIỚI THIỆU**

Chủ đề của chương này là sự phát triển về mặt lịch sử của luật nhân quyền quốc tế và các thể chế được thiết lập để thực hiện luật nhân quyền quốc tế. Do đó, ở đây, chúng ta không đề cập đến lịch sử nhân quyền quốc tế nói chung hoặc các phong trào lịch sử, các nguyên tắc triết học suốt hai thế kỷ qua đã làm xuất hiện các quy phạm hiến pháp của các quốc gia và cơ chế cho việc bảo vệ các quyền của cá nhân và nhóm trong suốt hai thế kỷ qua.<sup>1</sup>

Tất nhiên, đúng là sự phát triển của luật nhân quyền quốc tế không thể tách ra khỏi khái niệm các quy phạm luật hiến pháp quốc gia nhằm bảo vệ các quyền cá nhân, chống lại các hành động chuyên quyền của nhà nước. Vấn đề thực tế là nhiều nội dung luật pháp quốc tế về các quyền con người, cụ thể là bản chất hoặc nội dung các quyền, có nguồn gốc ý tưởng từ các quy phạm của luật hiến pháp quốc gia, thể hiện trong các luật cơ bản của quốc gia. Nguồn gốc lịch sử và triết học của chúng có thể lần lượt được truy xét trở lại từ những mốc quan trọng của sự tự do của con người như *Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ*, *Tuyên ngôn về Quyền con người và công dân Pháp* và những văn kiện khác. Các văn kiện này và hiến pháp của các quốc gia đã truyền cảm hứng cho chúng, đã ảnh hưởng to lớn đến nội dung của luật nhân quyền quốc tế hiện đại. Người ta không thể, ví dụ, đọc Điều 1 của *Tuyên ngôn Quốc tế về quyền con người (1948)*, "Tất cả mọi người được sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền", mà không nhận thấy sự ảnh hưởng của sự diễn đạt này từ các Tuyên ngôn của Hoa Kỳ và Pháp đối với ý tưởng về sự tự do của con người mà các tuyên ngôn này chỉ ra.

Cuộc cách mạng nhân quyền quốc tế hiện đại bắt đầu bằng sự ra đời của *Hiến chương Liên Hợp quốc*.<sup>2</sup> Trong khi đó một sự thật chắc chắn rằng luật quốc tế đã ghi nhận một số hình thức của việc bảo vệ các quyền của con người trước khi có bản Hiến chương, quá trình đã bắt đầu trong 'sự quốc tế hóa quyền con người và nhân đạo hóa luật quốc tế', như đã được mô tả ở một số văn bản,<sup>3</sup> bắt đầu với sự thành lập của Liên Hợp quốc.<sup>4</sup> Kết quả

là một phong trào ảnh hưởng toàn thế giới mà trong đó các quốc gia, các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ là những chủ thể quan trọng trong cuộc đấu tranh đang tiếp diễn có liên quan đến vai trò của cộng đồng quốc tế cần thể hiện trong việc đẩy mạnh và bảo vệ quyền con người.

Ý tưởng rằng việc bảo vệ quyền con người là không có ranh giới quốc tế, và rằng cộng đồng quốc tế có nghĩa vụ để đảm bảo rằng các chính phủ tôn trọng và bảo vệ các quyền con người bất cứ nơi nào chúng bị vi phạm, đang dần dần thu hút tâm trí của loài người. Sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh đã hiện thực hóa cuộc tranh đấu vì các quyền con người và củng cố phong trào quốc tế vì các quyền con người. Ngày nay, những kẻ xâm phạm nhân quyền không thể còn dựa vào một siêu cường để che chắn cho chúng khỏi sự phản đối mang tính quốc tế, một thực hành trong quá khứ đã gây hậu quả bất lợi cho việc phát triển và áp dụng luật về quyền con người.

Điều này không phải để nói rằng các vụ vi phạm nhân quyền ở quy mô lớn không còn tiếp tục nữa, hoặc các thiết chế (tổ chức) quốc tế được thiết kế để chống lại các vi phạm đó đang ở đúng chỗ và hoạt động hiệu quả. Nhiều chính phủ vẫn còn vi phạm nhân quyền trên những bình diện rộng và (một số) nhiều hơn không bao giờ muốn phải giải thích cho các hành động của mình. Nhưng thực tế là họ đang ngày càng bị ép buộc bởi một loạt các yếu tố bên trong và bên ngoài để trả lời cho hành vi của họ đối với cộng đồng quốc tế. Thực tế này đã hạn chế quyền tự do hành động của họ, và trong nhiều trường hợp, mặc dù không phải tất cả, đã góp phần cải thiện tình trạng nhân quyền.

Cái mà chúng ta đang có hiện nay là một quy trình năng động và đang tiếp tục có nền tảng luật pháp trong *Hiến chương Liên Hợp quốc*. Đến lượt mình bản Hiến chương đang là cơ sở cho một bộ phận lớn của luật pháp về quyền con người quốc tế, khu vực và sự hình thành nhiều thiết chế và cơ chế quốc tế được tạo ra để thúc đẩy, giám sát việc thi hành Hiến chương. Trong chương này, chúng tôi sẽ mô tả sự phát triển của quá trình này, cũng như của luật pháp và các thể chế mà nó sản sinh ra. Để làm việc này, chúng ta cần xem xét trước tiên những tiền đề lịch sử liên quan của nhân quyền quốc tế hiện đại.

## **CÁC TIỀN ĐỀ LỊCH SỬ**

### ***Quy tắc chung***

Con người theo nghĩa thông thường không có các quyền theo quy định của pháp luật quốc tế truyền thống, cái được định nghĩa như là luật điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia. Định nghĩa truyền thống đã được mở rộng phần nào sau Chiến tranh Thế giới thứ I,

khi người ta thừa nhận rằng một số tổ chức liên chính phủ mới được thành lập có thể, trong một số hoàn cảnh, cũng được hưởng các quyền theo luật pháp quốc tế và, đến mức độ đó, là các chủ thể của luật quốc tế. Bởi vì các cá nhân con người đã không được xem là có bất cứ quyền gì theo luật quốc tế truyền thống, họ được coi như là khách thể chứ không phải là chủ thể của luật đó. Liên quan đến nghĩa vụ quốc tế của quốc gia trong việc đối xử với các cá nhân, chúng là những nghĩa vụ phải thực hiện đối với các quốc gia mà các cá nhân đó đang mang quốc tịch.<sup>5</sup>

Các học thuyết này về bản chất của luật quốc tế đã có một số kết quả là các nhân con người đã được quan tâm. Thứ nhất, đối với các quốc gia của các nhân mang quốc tịch để bảo vệ anh hoặc cô ta đối với những luật lệ của các nước khác mà những luật lệ này đã vi phạm luật pháp quốc tế. Các cá nhân do đó phụ thuộc vào các quốc gia mà họ mang quốc tịch để chứng minh các quyền này trên không gian quốc tế, bởi vì các cá nhân riêng lẻ không có vị thế để tự làm việc này. Họ cũng không có vị thế để bắt buộc các quốc gia của họ ủng hộ các yêu cầu của mình. Thứ hai, bởi vì chỉ có quốc gia của quốc tịch có thể xem xét bị thiệt hại, người không có quốc tịch không có sự bảo vệ một chút nào theo luật quốc tế truyền thống. Thứ ba, bởi vì các cá nhân không có các quyền theo luật quốc tế truyền thống và chỉ được hưởng sự bảo vệ này khi quốc gia họ mang quốc tịch đã bằng lòng mở rộng cho họ, họ không có các quyền và không có sự trông cậy trên bình diện quốc tế để chống lại sự lạm dụng được thực hiện chống lại họ bởi chính các chính phủ của họ. Cuối cùng, bởi vì cách đối xử của các nhà nước đối với các khiếu nại của họ không phải là vấn đề mà luật quốc tế áp dụng, toàn bộ vấn đề bị cho là thuộc về thẩm quyền quốc gia của mỗi nước, đang ngăn cản các nước khác khỏi sự thuyết phục hoặc can dự vào nhân danh họ.

Khi luật pháp quốc tế truyền thống tiến triển qua thời gian, nó dần dần mở rộng phạm vi hoạt động bằng cách ghép một số trường hợp ngoại lệ vào các nguyên tắc được mô tả ở trên. Những trường hợp ngoại lệ này có nguồn của chúng trong các học thuyết của pháp luật quốc tế và những hiệp ước sẽ được thảo luận dưới đây. Mặc dù những trường hợp ngoại lệ không vô hiệu hóa những quy tắc cơ bản rằng các cá nhân thông thường không phải là đối tượng của luật pháp quốc tế và do đó không có quyền theo quy định của pháp luật đó, chúng đã làm cho pháp luật quốc tế có tính ứng dụng trong những hoàn cảnh nhất định đối với cách thức mà các chính phủ đối xử với con người. Trường hợp đã được như vậy, học thuyết không can thiệp đối với thẩm quyền trong nước của các quốc gia không còn có thể được hợp lệ viện dẫn để ngăn chặn sự can thiệp bằng ngoại giao hoặc thậm chí bằng hành động của các quốc gia khác.

## *Các quy tắc và cơ chế cụ thể*

Thứ nhất, một trong các trường hợp ngoại lệ ban đầu được công nhận bởi luật quốc tế truyền thống đã có cơ sở pháp lý của nó trong học thuyết của can thiệp nhân đạo. Theo học thuyết này, có thể được truy lại nguồn gốc từ Hugo Grotius và các luật gia quốc tế đầu tiên khác, sử dụng vũ lực bởi một hoặc nhiều quốc gia để ngăn chặn sự ngược đãi bởi một nhà nước đối với các công dân của mình được coi là hợp pháp khi hành động (ngược đãi) đó là rất tàn bạo và ở bình diện rộng gây sốc lương tâm của nhân loại.<sup>6</sup> Mặc dù bị rất nhiều lạm dụng trong quá khứ và thường xuyên được viện dẫn như một lý do cho chiếm đóng hay xâm lược các nước yếu hơn,<sup>7</sup> Học thuyết này lần đầu tiên thừa nhận một số hạn chế về tự do của quốc gia được hưởng theo pháp luật quốc tế trong việc đối xử với đồng bào của họ.<sup>8</sup> Các cuộc tranh luận hiện đại về các quyền của các tổ chức quốc tế hoặc nhóm các quốc gia trong việc dùng vũ lực, khi cần thiết, đã đặt dấu chấm hết cho hàng loạt những vi phạm về các quyền của con người tiếp tục được biện minh theo thời gian bởi tham chiếu đến học thuyết này.<sup>9</sup>

Thứ hai, có một nguyên tắc nền tảng của luật quốc tế rằng chủ quyền quốc gia có thể bị hạn chế bởi điều ước và do đó có thể quốc tế hóa một vấn đề mà sẽ không gì khác hơn được điều chỉnh bởi luật pháp quốc tế. Ví dụ, nếu một nhà nước ký kết một hiệp ước với nhà nước khác trong đó họ đồng ý đối xử tương ứng với các kiều dân của nhau một cách nhân đạo, đến mức độ đó, họ đã quốc tế hóa vấn đề đặc biệt đó.<sup>10</sup> Giữa hai quốc gia này, từ nay trở đi không quốc gia nào có thể khẳng định một cách hợp pháp rằng đối xử với kiều dân của mình là chủ đề thuộc về thẩm quyền của luật pháp trong nước.<sup>11</sup> Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của luật nhân quyền quốc tế và sự quốc tế hóa dần dần vấn đề nhân quyền.<sup>12</sup> Mặc dù quá trình quốc tế hóa vẫn tiếp tục cho đến ngày nay, mỗi khi một điều ước về nhân quyền con người có hiệu lực, quá trình này đã bắt đầu vào thế kỷ XIX với kết luận của các điều ước cấm buôn bán nô lệ và để bảo vệ các cộng đồng thiểu số khác nhau, đặc biệt là người Thiên chúa giáo trong Đế chế Ottoman.<sup>13</sup> Các thỏa thuận này được dựa trên các quốc gia bao gồm Sự hòa hợp của Châu Âu để cung cấp cơ sở pháp lý cho sự can thiệp ngoại giao của họ (và đôi khi thậm chí là can thiệp quân sự) thay mặt của người dân Thiên chúa giáo ở Đế chế Thổ Nhĩ Kỳ.<sup>14</sup>

Thứ ba, mặc dù *Công ước về Hội Quốc Liên*, thông qua năm 1920, đã không giải quyết được vấn đề nhân quyền một cách đúng nghĩa, nó đã chứa đựng hai quy định (Điều 22 và Điều 23) tiên liệu về một số khía cạnh về bảo vệ nhân quyền quốc tế hiện đại. Hội cũng đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giám sát việc thực thi các điều ước về các dân tộc thiểu số sau Chiến tranh Thế giới thứ I. Điều 22 của Công ước đã thiết lập Hệ thống Ủy trị của Hội. Theo quy định này, các thuộc địa cũ của các quốc gia đã thua trận trong Chiến tranh Thế giới thứ I bị chuyển sang thành "các vùng Ủy trị" của Hội và đặt dưới sự

điều hành của các quốc gia chiến thắng khác. Về sau này được nhất trí quản lý các lãnh thổ này theo '...nguyên tắc phúc lợi và phát triển của nhân dân (bản địa) tạo một niềm tin thiêng liêng vào nền văn minh' và tiến hành cung cấp cho Hội các báo cáo thường niên về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Các báo cáo này được đánh giá bởi Ủy ban Ủy trị của Hội. Mặc dù cơ quan này không có thực quyền trong lần thiết lập đầu tiên, thẩm quyền của nó để giám sát việc quản lý hành chính của các lãnh thổ được ủy trị đã lớn mạnh theo thời gian.<sup>15</sup> Nếu Chiến tranh Thế giới thứ II không dẫn đến sự sụp đổ của Hội, Ủy ban Ủy trị đã có thể chuyển đổi một cách thành công thành một thể chế quan trọng để bảo vệ quyền của nhân dân bản địa trong các lãnh thổ ủy trị.<sup>16</sup> Các yêu cầu về báo cáo trong những nhiều các hiệp ước gần đây về nhân quyền gợi nhớ đến hoạt động của Ủy ban Ủy trị.

Các Quốc gia Thành viên của Hội Quốc Liên đã nhất trí trong Điều 23 (a) của Công ước của Hội "tuân thủ và phù hợp với các quy định của các công ước quốc tế hiện có hoặc được thỏa thuận từ giờ trở đi", để "nỗ lực bảo đảm và duy trì các điều kiện công bằng và nhân đạo của lao động cho nam giới, phụ nữ và trẻ em, cả ở các quốc gia của họ và trong tất cả các nước mà (có sự) mở rộng các mối quan hệ về thương mại và công nghiệp của họ". Điều 23 cũng dự kiến thành lập của các tổ chức quốc tế để thúc đẩy mục tiêu này. Đó là chức năng được đảm nhận bởi Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), ra đời vào khoảng thời gian tương tự như Hội và ngay lập tức bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng và thúc đẩy việc ban hành các điều ước quốc tế giải quyết các tiêu chuẩn lao động công bằng. Việc thành lập ILO và các chức năng được giao cho nó nhìn thấy trước mối quan tâm của nhân quyền quốc tế hiện đại đối với các quyền kinh tế.

Hội Quốc Liên cũng đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát triển một hệ thống quốc tế bảo vệ các dân tộc thiểu số.<sup>17</sup> Trong khi chủ đề này đã không được điều chỉnh bởi Thỏa ước, Hội đã xuất phát từ quyền lực của mình trong lĩnh vực này từ một loạt các điều ước sau Chiến tranh Thế giới thứ I. Cuộc chiến tranh đã sinh ra những bản đồ chính trị quan trọng được vẽ lại của châu Âu và Trung Đông. Một số quốc gia mới mới ra đời và số khác giành lại độc lập của họ. Một số các nước này, đặc biệt là Albania, Bulgaria, Tiệp Khắc, Hungary, Ba Lan, Romania và Nam Tư, bao gồm các nhóm dân tộc, ngôn ngữ và tôn giáo của các dân tộc thiểu số. Những nhóm này có lý do lịch sử để lo sợ cho sự sống còn của họ với tư cách là các dân tộc thiểu số. Chính phủ của các quốc gia chiến thắng - còn gọi là "Đồng minh chủ yếu và liên quân" - do đó đã yêu cầu các quốc gia mới ký kết các điều ước quốc tế đặc biệt để bảo vệ một số dân tộc thiểu số này.<sup>18</sup>

Hiệp ước đầu tiên để thiết lập chế độ bảo vệ này là *hiệp ước giữa Đồng minh chủ yếu và liên quân với Ba Lan* ký kết tại Versailles vào ngày 29 tháng 6 năm 1919. Nó đã phụng sự như một mô hình cho những điều ước tiếp theo. Trong các điều ước này, các quốc gia,

có các hệ thống dân tộc thiểu số đã thực hiện không phân biệt đối xử chống lại các thành viên thiểu số được bảo vệ và cho họ các quyền đặc biệt cần thiết để bảo tồn sự toàn vẹn về dân tộc văn hóa và ngôn ngữ của họ, bao gồm các quyền được dùng một cách chính thức ngôn ngữ nói của họ, để duy trì các trường học và để thực hành các tín ngưỡng của họ.

Để bảo đảm sự thống nhất, các điều ước này có chứa đựng những quy định tương tự với điều 12 của Điều ước Ba Lan, đã tuyên bố rằng "Ba Lan đồng ý rằng các quy định trong các điều khoản từ trước đến nay vẫn có hiệu lực đối với những người thuộc các chủng tộc, các tôn giáo, và các ngôn ngữ thiểu số, tạo thành các nghĩa vụ của sự quan tâm quốc tế, phải được đặt dưới sự bảo đảm của Hội Quốc liên". Hội Quốc liên đã đồng ý thực thi như một người bảo đảm các nghĩa vụ mà các thành viên thiết lập ra trong các điều ước. Nó đã thực hành chức năng đó thông qua việc phát triển một hệ thống để giải quyết các kiến nghị của các dân tộc thiểu số đang cáo buộc về sự vi phạm các quyền của họ. Hệ thống này rất hữu hiệu và hoàn toàn cấp tiến trong thời gian đó. Bản kiến nghị được đánh giá bởi một Ủy ban ba bên trong Hội đồng của Hội, các quốc gia có liên quan được cho những cơ hội để trình bày quan điểm, khi thích hợp, Tòa án Công lý Quốc tế được yêu cầu để đưa ra ý kiến tư vấn đối với các vấn đề tranh chấp về luật pháp.<sup>19</sup>

Mặc dầu một vài thỏa hiệp về các dân tộc thiểu số trong thời kỳ Hội còn tồn tại đến ngày nay, hệ thống các dân tộc thiểu số theo đúng nghĩa của Hội đã chết cùng với nó. Như chúng ta sẽ thấy, đang có những lợi ích được làm mới trong những năm gần đây trong vấn đề bảo vệ các dân tộc thiểu số.<sup>20</sup>

Thứ tư, luật quốc tế truyền thống ghi nhận rất sớm trong sự phát triển của nó rằng các quốc gia có nghĩa vụ đối xử với các công dân nước khác phù hợp với những tiêu chuẩn tối thiểu nhất định của nền văn minh hoặc công lý. Do nghĩa vụ này thường bị buộc thực hiện bởi quốc gia mà cá nhân mang quốc tịch hơn là của quốc gia của các nạn nhân, chỉ có nhà nước mà họ mang quốc tịch mới bị xem xét các lý do cho các hành động theo quy định của luật pháp quốc tế để chống lại quốc gia vi phạm.<sup>21</sup> Tuy nhiên, khi thiệt hại được xác định, quốc gia thắng kiện, như một quy tắc, đã sử dụng số tiền đó để bồi thường cho các công dân của mình đối với thiệt hại họ đã bị ảnh hưởng, cho dù dưới quy định của luật quốc tế họ không phải làm thế.<sup>22</sup>

Luật nội dung có khả năng áp dụng để kiến nghị bởi quốc gia nhân danh người dân của mình đã được phát triển từ hầu hết phần có tên gọi là "Các nguyên tắc chung của luật được công nhận bởi các dân tộc văn minh".<sup>23</sup> Các nguyên tắc này có nguồn gốc từ luật tự nhiên và các học thuyết pháp lý trong nước để đối xử đối với các cá nhân. Các trọng tài và tòa án quốc tế đã khắc họa nên phần cơ bản của luật pháp còn các học thuyết đưa nội

dung vào các khái niệm như là "từ chối công lý", "những tiêu chuẩn tối thiểu của công lý" và những điều khác. Khi luật quốc tế hiện đại tiến tới công nhận các cá nhân, không liên quan đến quốc tịch của họ, nên được hưởng những nền tảng nhất định của nhân quyền, các nguyên tắc thực định của luật về trách nhiệm của quốc gia đã ban hành một số lượng lớn các luật lệ có thể dựa vào để pháp điển hóa luật nhân quyền quốc tế. Ngày nay, do sự phát triển mạnh mẽ và sự mở rộng của việc pháp điển hóa luật nhân quyền, luật nhân quyền đang áp dụng luật về các trách nhiệm của nhà nước.<sup>24</sup>

Thứ năm, mặc dù luật nhân đạo quốc tế ngày nay có thể được định nghĩa là các cấu thành quyền con người của luật chiến tranh, luật nhân đạo có trước sự xuất hiện của luật nhân quyền quốc tế. Sự phát triển hiện đại của nó bắt đầu với một loạt các sáng kiến Thụy Sĩ được thực hiện trong thế kỷ mười chín.<sup>25</sup> Chúng đã sinh ra *Công ước Geneva năm 1864*, nó được lập ra để bảo vệ các nhân viên y tế, việc xây dựng các bệnh viện, những người lính bị thương hoặc bị bệnh. *Công ước Geneva năm 1864* đã dẫn đến *Công ước Hague số 3 năm 1899*, đã xác lập quy tắc nhân đạo tương tự đối với chiến tranh hải quân. Những điều ước này đã được sửa đổi, mở rộng và hiện đại hóa theo thời gian và hiện tại bao gồm một phần lớn các quy định của pháp luật áp dụng đối với hầu như tất cả các khía cạnh của cuộc xung đột vũ trang hiện đại. Phần lớn của pháp luật đó ngày nay được hệ thống hóa trong bốn *Công ước Geneva năm 1949* và hai *Nghị định thư bổ sung năm 1977* đối với những Công ước đó.<sup>26</sup> Rất nhiều các quy định của các Nghị định thư này phản ánh các nguyên tắc được tuyên bố trong các công cụ của luật nhân quyền hiện đại,<sup>27</sup> trong khi đó, các điều khoản hạn chế của các công ước cơ bản về nhân quyền hợp thành bằng sự tham khảo các nghĩa vụ được thừa nhận bởi các Quốc gia Thành viên trong các điều ước về luật nhân đạo.<sup>28</sup> Vì vậy, mặc dù luật nhân đạo lâu đời hơn luật nhân quyền hiện đại và bị ảnh hưởng về sau, luật nhân quyền hiện đại dựa phần lớn vào luật nhân đạo.

Như chúng ta đã được thấy trong các trang trước, pháp luật quốc tế truyền thống đã phát triển các học thuyết khác nhau và các thiết chế khác nhau được thiết kế để bảo vệ các nhóm hoặc các phân loại người khác nhau : các dân tộc thiểu số, một số dân tộc bản địa, người nước ngoài, nạn nhân của vi phạm lớn, các chiến binh và những nhóm người khác. Luật pháp đó, và các nguyên tắc pháp lý mà nó khơi ra, đặt nền tảng khái niệm và thể chế cho sự phát triển của luật pháp quốc tế hiện đại về nhân quyền. Những gì được phân biệt sau này từ các tiền chất của nó, tuy nhiên, đó là pháp nhân quyền quốc tế hiện đại đã dần dần chuyển đổi cá nhân từ một đối tượng đơn thuần của luật quốc tế thành chủ thể có quyền và nghĩa vụ quốc tế.

## LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI

Sự phát triển của luật nhân quyền quốc tế hiện đại hơn 50 năm qua thể hiện một quá trình phát triển có thể chia thành một số giai đoạn.<sup>29</sup> Tuy nhiên, có thể là sai lầm nếu giả định rằng mỗi một giai đoạn có thể được tách ra độc lập với những sự tiến triển sau đó hoặc thậm chí trước đó trong lĩnh vực này. Thực tế rằng có một sự chồng lấn đáng kể giữa các giai đoạn này. Tuy nhiên, chúng là những cột mốc chỉ dẫn hữu ích khi tìm kiếm sự phát triển về mặt lịch sử của luật nhân quyền quốc tế hiện đại.

### *Những quy phạm nền tảng*

Giai đoạn thứ nhất trong quá trình này bắt đầu với sự có hiệu lực của *Hiến chương Liên Hợp quốc* và tiếp tục ít nhất đến khi ban hành hai Công ước Quốc tế về quyền con người năm 1966 (ICCPR và ICESCR). Đến thời gian này *Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền* (UDHR, 1948) đã được ban hành bởi Liên Hợp quốc, cũng như đã có *Công ước về diệt chủng* và *Công ước về Loại bỏ tất cả các hình thức Phân biệt đối xử*, nhằm đề cập đến các công cụ cơ bản về quyền con người. Trong cùng giai đoạn này, *Công ước châu Âu về Nhân quyền* đã có hiệu lực, Tổ chức của các Quốc gia châu Mỹ đã công bố *Tuyên ngôn các nước châu Mỹ về Quyền và Nghĩa vụ của Con người*, và UNESCO và ILO, lần lượt, đã ban hành *Công ước chống lại sự phân biệt đối xử trong giáo dục* và *Công ước liên quan đến sự phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp*.

Tóm lại, giai đoạn này đã chứng kiến sự củng cố về quy phạm pháp luật của luật nhân quyền quốc tế. Sự thật rằng, tất nhiên, quá trình này còn tiếp tục đến ngày nay. Tuy nhiên, Đó cũng là sự thật một cách công bằng rằng, trong 20 năm đầu tiên tiếp theo kể từ ngày thành lập của Liên Hợp quốc quá trình này đã trở nên không thể đảo ngược. Có hai yếu tố rất quan trọng giải thích sự phát triển này. Thứ nhất, các quy định về quyền con người của Hiến chương, được cung cấp bởi *Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền*, và các văn kiện khác về quyền con người, được chấp nhận như là sự định nghĩa các quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người mà các quốc gia thành viên của Liên Hợp quốc đã chấp nhận thông qua việc phê chuẩn bản Hiến chương. Trong khi một số quốc gia vẫn tranh cãi trong những ngày đầu của Liên Hợp quốc, điều này nói rằng bản Hiến chương đã không áp đặt các nghĩa vụ bất kỳ lên con người, rằng đến cuối những năm 1960, điều này đã không còn có tính biện hộ. Thứ hai, mỗi khi được thừa nhận rằng bản Hiến chương, một điều ước đa phương, đã tạo ra một số nghĩa vụ của con người đối với các quốc gia thành viên, được tuân theo như là một vấn đề của luật quốc tế mà nhân quyền đang chứa đựng, đến mức độ đó, được quốc tế hóa và gỡ bỏ ra khỏi một lĩnh vực được bảo vệ của chủ đề trọng tâm nằm trong thẩm quyền pháp lý quốc gia.<sup>30</sup>



Giờ đây nên hỏi những sự phát triển đó đã đạt được thế nào. Ý tưởng rằng Liên Hợp quốc nên trở thành người bảo vệ các quyền của những cá nhân đã nảy sinh từ những trải nghiệm bi kịch của Chiến tranh Thế giới thứ Hai và sự vi phạm khủng khiếp về các quyền con người diễn ra trong cuộc Diệt chủng. Nhiều nhà lãnh đạo trong thời chiến đã tin rằng sự nổi lên của Hitler có thể ngăn chặn được từ những năm 1930 nếu hiện diện một tổ chức quốc tế có thẩm quyền đối với những vấn đề về nhân quyền. Đối với họ, điều khó khăn là kinh nghiệm về Hội Quốc liên, một tổ chức yếu và thiếu quyền lực để giải quyết những vấn đề nhân quyền, không thể được lặp lại.<sup>31</sup>

Do đó, có hy vọng về *Hiến chương Liên hợp quốc* chứa đựng những quy định thiết lập một hệ thống quốc tế hiệu quả để bảo vệ quyền con người. Điều đó đã không xảy ra bởi sự phản đối từ các cường quốc: Hoa Kỳ, Liên Xô, Pháp và Vương quốc Anh. Những quốc gia này bản thân họ đã có nhiều vấn đề về nhân quyền trong thời gian đó,<sup>32</sup> và do đó họ không được chuẩn bị để nhất trí đối với các cam kết mạnh mẽ trong lĩnh vực này. Mặc dầu nhiều quốc gia nhỏ hơn ủng hộ kết luận của dự thảo về các quyền trong bản Hiến chương, họ thiếu sự ảnh hưởng về chính trị để thắng thế. Điều đó giải thích tại sao các quy định về nhân quyền của bản Hiến chương, được ban hành ở San Francisco, lại bị yếu và không rõ ràng một cách chủ ý.

Có ba quy định cơ bản về các quyền con người trong *Hiến chương* là Điều 1(3), 55(c) và 56.<sup>33</sup> Điều đầu tiên của các quy định đó công nhận rằng một trong "những mục đích" của Liên Hợp quốc là sự hợp tác quốc tế trong việc giải quyết những vấn đề quốc tế khác nhau, bao gồm cả "vấn đề nhân đạo" và "thúc đẩy và khuyến khích sự tôn trọng đối với nhân quyền và các quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo". Quy định này được mở rộng bởi Điều 55(c), diễn đạt như sau:

*Với mục đích nhằm tạo những điều kiện ổn định và tốt đẹp cần thiết để duy trì những quan hệ hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc, Liên Hiệp Quốc khuyến khích...*

*c. tôn trọng và tuân thủ triệt để các quyền con người và các quyền tự do cơ bản của tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hay tôn giáo.*

Điều 56 áp đặt những nghĩa vụ tương tự lên các quốc gia thành viên bằng các quy định rằng "Tất cả Thành viên Liên Hiệp Quốc phải cam kết bằng các hành động chung hoặc riêng trong sự hợp tác với Liên Hiệp Quốc để đạt được những mục đích nêu ra ở Điều 55."

Các quy định này đã không thiết lập những nghĩa vụ trực tiếp để bảo vệ hoặc nhìn nhận về quyền con người, cũng đã không định nghĩa "các quyền con người và quyền tự do cơ bản" là gì. Chúng đã áp đặt một số lớn các nghĩa vụ không rõ ràng để "thúc đẩy...sự tôn trọng mang tính quốc tế, và sự thực thi đối với các quyền con người" và để tiến hành "các hoạt động liên kết và riêng rẽ trong sự hợp tác với Tổ chức" để đạt được mục đích này. Quy định duy nhất không mơ hồ trong các điều khoản này là sự nghiêm cấm phân biệt đối xử.

Mặc dù sự không rõ nghĩa của chúng, các quy định về các quyền con người của Hiến chương đã sinh ra một số các hệ quả quan trọng.<sup>34</sup> Thứ nhất, như chúng ta đã nhận thấy, bản Hiến chương đã quốc tế hóa khái niệm các quyền con người. Điều này không có nghĩa rằng, ngay khi bản Hiến chương có hiệu lực, tất cả vấn đề về các quyền con người đã là *yếu tố đương nhiên (ipso facto)* không còn là vấn đề trong phạm vi thẩm quyền nội địa của quốc gia. Điều này nghĩa là để thay thế nhà nước đã thừa nhận một số nghĩa vụ quốc tế liên quan đến các quyền con người, mặc dầu phạm vi thẩm quyền đầy đủ của họ được định nghĩa, và rằng, cho đến khi các nghĩa vụ này được quan tâm, các quốc gia đã không còn tuyên bố rằng các quyền con người theo đúng nghĩa cơ bản trong phạm vi quốc gia theo đặc tính.

Thứ hai, các nghĩa vụ của những quốc gia thành viên của Liên Hợp quốc để liên kết với Tổ chức trong việc thúc đẩy các quyền con người được ban hành bởi Liên Hợp quốc với thẩm quyền pháp lý cần thiết để tiến hành một nỗ lực lớn để định nghĩa và pháp luật hóa những quyền này. Nền tảng của sự nỗ lực luật hóa này được đặt nền móng bởi tuyên bố năm 1948 của Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền. Được ban hành như một nghị quyết không bắt buộc của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, bản Tuyên ngôn được thiết kế, như lời nói đầu của nó chỉ ra, để cung cấp "một cách hiểu chung" về các quyền con người và quyền tự do cơ bản được dẫn chứng trong Hiến chương và mang đến "một tiêu chuẩn chung về thành tựu cho tất cả mọi và tất cả các dân tộc". Nhưng bản Tuyên ngôn không chỉ đã đem lại ý nghĩa cho cụm từ "các quyền con người và quyền tự do cơ bản" được sử dụng trong bản Hiến chương, trải qua thời gian, nó đã được chấp nhận như công cụ luật pháp trong sự đúng đắn của chính nó cái mà cùng với bản Hiến chương đã giải thích rõ ràng các nghĩa vụ của con người một cách chính thức đối với tất cả các quốc gia thành viên Liên Hợp quốc.<sup>35</sup>

Sự thành công của những nỗ lực của Liên Hợp quốc được phản ánh trong việc ban hành Dự luật Quốc tế về Các quyền<sup>36</sup> và trong một số lớn các công cụ quốc tế về nhân quyền tồn tại đến ngày nay. Hiệu lực của mỗi điều ước mới trong lĩnh vực này đã tiếp tục quốc tế hóa chủ đề về các quyền con người giữa các thành viên đối với nhau. Điều này cũng cổ vũ những cá nhân mà những điều ước này áp dụng các quyền pháp lý quốc tế đối với họ.

Sự thực hành của nhà nước được bắt nguồn từ mạng lưới rộng lớn của các điều ước nhân quyền tiếp tục tạo ra một bộ phận đang phát triển của tập quán pháp quốc tế về chủ đề này. Do đó một định nghĩa về luật quốc tế mà hiện tại không công nhận các cá nhân như những người thụ hưởng trực tiếp của luật nhân quyền quốc tế, và đến mức độ, một chủ đề của luật quốc tế, sẽ bị đui mù trước thực tại pháp luật và chính trị hiện hành.

### ***Xây dựng Thể chế***

Giai đoạn thứ hai trong sự phát triển của luật nhân quyền quốc tế bắt đầu từ cuối những năm 1960 và tiếp tục trong khoảng 15 đến 20 năm tiếp theo. Giai đoạn này có thể được gọi tên là "kỷ nguyên của xây dựng thể chế". Trong những năm này chúng ta tìm thấy hai sự phát triển khác biệt diễn ra trong khuôn khổ của Liên Hợp quốc. Sự phát triển đầu tiên tập trung vào bản chất các nghĩa vụ của con người Điều 55 và 56 đã quy định cho các quốc gia thành viên. Chỉ sau khi vấn đề này được giải quyết Liên Hợp quốc mới có thể bắt đầu tạo dựng các thể chế và cơ chế để thi hành các nghĩa vụ. Từ các quan điểm pháp lý chặt chẽ, câu trả lời cho câu hỏi liên quan đến các nghĩa vụ của các quốc gia thành viên đã tùy thuộc vào ý nghĩa của cụm từ "thúc đẩy...sự tôn trọng mang tính quốc tế, và sự thực thi đối với các quyền con người".

Điều này có thể được tranh luận một cách hiển nhiên rằng quy định này đã không yêu cầu các quốc gia tại thời điểm phê chuẩn Hiến chương của họ chấm dứt bất kỳ và tất cả những vi phạm nhân quyền. Quá nhiều điều chưa rõ ràng đối với quy định đó. Nếu điều này là thực, phải mất bao lâu để một quốc gia có vẫn có thể tiếp tục vi phạm nhân quyền trước khi đụng chạm tới Hiến chương, hoặc ít nhất là mất bao lâu để những vi phạm nhân quyền dừng lại? Liên Hợp quốc đã mất nhiều thời gian để cung cấp những câu trả lời rõ ràng cho những câu hỏi này. Cuối cùng chúng đã được chuẩn bị và trở thành của cuộc đấu tranh của Liên Hiệp quốc để chấm dứt nạn phân biệt chủng tộc. Phân biệt chủng tộc đã dần dần được mô tả như là một hành vi vi phạm phổ biến của tất cả các quyền cơ bản của con người, một chính sách của chính phủ được thực hiện trên quy mô lớn chống lại một bộ phận lớn dân số.<sup>37</sup> Trong bối cảnh này, ý nghĩa của nghĩa vụ được thể hiện bằng các từ "đề thúc đẩy", bất kể tính mơ hồ, đã trở thành cụ thể, trong đó một quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc mà bắt tay vào thực hiện hoặc duy trì một chính sách như vậy có thể chắc chắn không được coi là "thúc đẩy quyền con người và các quyền tự do cơ bản" và, do đó, vi phạm các nghĩa vụ của nó trong Hiến chương.

Nguyên tắc này đã được thiết lập một cách chính thức với sự ban hành *Nghị quyết số 1235 (XLII)* tháng 6 năm 1967. Nghị quyết này đã ủy quyền cho Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp quốc "triển khai một nghiên cứu kỹ lưỡng về những tình trạng phản ánh những hình mẫu chung của vi phạm nhân quyền, được ví dụ như chính sách phân biệt chủng tộc được

tiến hành tại Cộng hòa Nam Phi ...và nạn phân biệt chủng tộc được thực hiện đặc biệt là ở miền Nam Rhodesia." Nghị quyết này được tiếp nối bằng *Nghị quyết 1503 (XLVIII)* ngày 27 tháng 5 năm 1970 của ECOSOC, trao quyền cho Tiểu ban chống Phân biệt đối xử và bảo vệ các Dân tộc Thiểu số của Liên Hợp quốc để phát triển một cơ chế giải xử lý các khiếu nại từ các cá nhân và các nhóm cho thấy "một mô hình thống nhất và đáng tin cậy về các vi phạm về các quyền con người". Tiểu ban và Ủy ban Nhân quyền đã thực hiện nghị quyết này bằng cách thiết lập một thủ tục để giải quyết đối với các khiếu nại này.

Hai nghị quyết của ECOSOC này tiếp tục có hiệu lực cho đến ngày nay và đang đóng góp như nền tảng pháp lý của hệ thống dựa trên Hiến chương Liên Hợp quốc về bảo vệ các quyền con người. Các nghị quyết này đã sinh ra một cơ chế rộng mở về thể chế hơn bao giờ hết trong khuôn khổ của Liên Hợp quốc để giải quyết các vi phạm nhân quyền trong phạm vi lớn bao gồm hệ thống đang phát triển của các báo cáo viên và các nhiệm vụ đặc biệt cũng như Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc về nhân quyền. Tất cả những sự phát triển này có thẩm quyền pháp lý cơ bản của riêng mình trong Hiến chương, được bổ sung bởi *Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền*. Khuôn khổ về thể chế dựa trên Hiến chương, đã phát triển cuối những năm 1960 nhằm đối phó với nạn phân biệt chủng tộc, đã được sử dụng từ cuối những năm 1980 để giải quyết đối với tất cả những hình thức của vi phạm nhân quyền.<sup>38</sup>

Giai đoạn ở đây dưới sự xem xét cũng đã nhìn thấy sự nổi lên và củng cố của các thể chế dựa trên các điều ước quốc tế và khu vực để bảo vệ các quyền con người. Từ giữa và cuối những năm 1970, Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp quốc<sup>39</sup> và Ủy ban Loại trừ sự Phân biệt Chủng tộc (CERD)<sup>40</sup> tồn tại song hành với hiệu lực của *Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị* và *Công ước Quốc tế về Loại trừ tất cả các hình thức Phân biệt Chủng tộc*. Sự có hiệu lực năm 1978 của *Hiệp định Châu Mỹ về Nhân quyền* đã dẫn đến sự thành lập Ủy ban Liên Mỹ và Tòa án Nhân quyền.<sup>41</sup> Mặc dù *Công ước châu Âu về Nhân quyền* đã có hiệu lực từ năm 1953, phải đến cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970 các thiết chế do nó lập ra, đặc biệt là Tòa án, mới bắt đầu giữ một vai trò quan trọng việc thi hành Công ước.<sup>42</sup> Năm 1978, hơn thế nữa, UNESCO được ra đời như một cơ chế để giải quyết với các vi phạm nhân quyền thuộc về phạm vi thẩm quyền của mình.<sup>43</sup> Các thể chế của ILO để giải quyết với những vấn đề về quyền con người<sup>44</sup> có trước những thể chế đã đề cập đến ở trên, tuy vậy những thể chế được thành lập dưới *Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền các dân tộc* đã không có hiệu lực cho đến năm 1986.<sup>45</sup>

Sự ra đời của các tổ chức nói trên và những thiết chế có liên quan cũng đã đóng góp cho sự nổi lên của **các tổ chức phi chính phủ** và đặt nền tảng cho cho chúng. Mặc dù một số

nhóm đã tồn tại rất sớm, số lượng, sức mạnh và tính tích cực của chúng đã khởi đầu từ giai đoạn này.<sup>46</sup> Sự sáng lập các tổ chức nhân quyền liên quốc gia được đề cập đến ở trên đã đem đến cho các tổ chức phi chính phủ lý do tồn tại (*raison d'être*) để tiến hành nộp đơn khiếu kiện và gắn với những chiến dịch thực thi quyền con người. Ngay từ đầu vai trò cơ bản của chúng phù hợp với sự thúc đẩy các văn kiện pháp lý.

Có một số lý do chính trị, liên quan chặt chẽ với nhau, cho những sự tiến triển này. Sự kết thúc của kỷ nguyên thuộc địa và sự rộng mở nhanh chóng của Liên Hợp quốc vào cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960 đã ảnh hưởng đến sự gia nhập Liên Hợp quốc của nhiều quốc gia mới giành được độc lập đã thực hiện việc đẩy nhanh sự kết thúc của chế độ phân biệt chủng tộc. Điều này chỉ có thể đạt được bởi sự phát triển và củng cố sức mạnh các cơ chế của Liên Hợp quốc để đối phó với hàng loạt những vấn đề về nhân quyền. Bằng cách ủng hộ những bước đi này khi chế độ phân biệt chủng tộc nhận được sự quan ngại, Liên Xô và các đồng minh của nó đã trao cho các nền dân chủ phương Tây một cơ hội để thúc ép sự mở rộng của thẩm quyền pháp lý của các tổ chức nhân quyền của Liên Hợp quốc để gây áp lực tới hàng loạt những vi phạm về nhân quyền, không chỉ với phân biệt chủng tộc.

Những nỗ lực theo nhiều hướng khác nhau bởi các nước phương Tây, phương Đông và các quốc gia không liên kết đã tập trung sự chú ý to lớn của công chúng và các hoạt động nhân quyền của Liên Hợp quốc, đến lượt nó, đã sản sinh ra một kỳ vọng to lớn về vai trò của Liên Hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác trong việc chú tâm vào các vi phạm nhân quyền. Nhiều nước thấy càng ngày càng khó khăn cho các lý do chính trị và tuyên truyền ít nhất không lời nói suông cho những nỗ lực nhân quyền quốc tế, họ khó khăn hơn khi phản đối việc thành lập các tổ chức nhân quyền khu vực và quốc tế. Toàn bộ chủ đề được có ý nghĩa hơn với cam kết được tuyên bố rộng rãi của Tổng thống Jimmy Carter khẳng định rằng các quyền con người là trung tâm của chính sách đối ngoại của Mỹ và sẵn sàng hành động trên cam kết này. Các cuộc tranh luận mở ra liệu có chính quyền Carter thực tế đạt bao nhiêu trong việc cải thiện được trong tình hình nhân quyền trên thế giới, không thể được nghi ngờ Tổng thống Carter đã thành công trong việc các quyền con người một cách vững chắc và không thể bãi bỏ được trên chương trình nghị sự chính trị quốc tế.

Các quyền con người bởi vậy đã đạt được sự quan tâm về chính trị như là một yếu tố quan trọng của trong sự cân bằng của nền chính trị thực dụng (*realpolitik*) hiện đại. Bởi chú tâm vào một vấn đề quan tâm thực sự đối với nhân dân trên toàn thế giới, sự thúc đẩy các quyền con người đã trở thành một sức mạnh chính trị khó có thể làm ngơ đối với nhiều chính phủ. Thật trớ trêu, mỗi bên của cuộc xung đột ý thức hệ và các quốc gia không liên kết càng tìm cách khai thác các quyền con người cho những mục đích chính trị của họ, càng có nhiều ý tưởng về bảo vệ nhân quyền quốc tế thực sự đã chiếm được

tâm trí của nhân loại, đang khiến cho sự phát triển của nhiều tổ chức trong lĩnh vực này trở nên có thể. Và điều này bất chấp một thực tế rằng một số lớn các chính phủ đã muốn loại các quyền con người hoàn toàn ra khỏi chương trình nghị sự quốc tế.

## **THỰC THI QUYỀN CON NGƯỜI VÀ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

Các thể chế được đề cập trên đã không hoạt động một cách đầy đủ cho đến tận giữa những năm 1980, khi chúng có thể tập trung vào các biện pháp hiệu quả để bảo đảm các quốc gia tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế của mình. Công cuộc này kéo dài cho tới ngày nay. Đó là vấn đề để thiết lập các tổ chức trên bình diện quốc tế để cổ vũ và bảo vệ các quyền con người; hoàn toàn khác khi trao cho chúng những công cụ để đạt được mục đích. Thêm nữa, các quốc gia có thể đồng thuận nhiều hơn đối với sự thiết lập các tổ chức nhân quyền hơn là hợp tác với các tổ chức này khi các quốc gia này hoặc các đồng minh của họ bị cáo buộc về các vi phạm nhân quyền. Phải công nhận rằng, tại cùng thời điểm, các yếu tố chính trị cho phép sự ra đời của các tổ chức nhân quyền đầu tiên diễn ra - phong trào nhân quyền được lấy cảm hứng từ các ý tưởng đã xâm chiếm tâm trí của loài người - làm tăng thêm khó khăn cho nhiều quốc gia không tuân thủ các nghĩa vụ của con người.

Trong suốt giai đoạn dưới sự xem xét, thế giới đã tiến tới sự thay đổi kịch tính nhờ đó mà cuộc cách mạng nhân quyền đã công hiến một cách quan trọng và từ đó mà đem lại những lợi ích quan trọng. Kết cục của Chiến tranh Lạnh đã giải phóng nhiều dân tộc ở châu Âu khỏi các chế độ cộng sản, cho phép họ hòa nhập vào quá trình chuyển đổi dân chủ. Còn điều gì nữa, nó giải phóng các nỗ lực quốc tế để thúc đẩy các quyền con người từ việc làm suy yếu các cuộc xung đột ý tưởng và khẩu hiệu quảng cáo chính trị trong quá khứ. Những sự phát triển này đã tạo điều kiện cho Liên Hợp quốc tập trung hơn vào các trở ngại của việc thực thi các quyền con người.<sup>47</sup>

Sự Kết thúc của Chiến tranh Lạnh và hiệu ứng của nó đối với các quyền con người được phản ánh một phần trong nội dung của *Tuyên bố Vienna và Chương trình Hành động 1993*, được ban hành tại Hội nghị Thế giới về Nhân quyền tổ chức tại Vienna tháng 6 năm 1993.<sup>48</sup> Phạm vi rộng lớn của Tuyên bố, chứng minh được bằng thực tế rằng nó đã tập trung vào hầu hết, nếu không nói là tất cả, những sự quan tâm về các quyền con người hiện đại, là một trong những đặc điểm thu hút sự chú ý, như là thực tế đang diễn ra như vậy, trên toàn bộ, trong sự cân bằng về chính trị và một loạt các xử sự. Trong khi đó nó không đến với những giải pháp đối với những vấn đề khó xử lý đang đối mặt với cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực này, Tuyên bố Vienna đã xác định chúng và trong một quá trình biểu thị rằng chỉ có một số, nếu có, vấn đề về quyền con người ngày nay mà không phải là mối quan ngại quốc tế. các danh mục bao trùm lên các quyền dân sự và chính trị,

các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, các quyền để phát triển, các quyền của những người tỵ nạn và di dời nội bộ, các vấn đề của luật nhân đạo, các quyền của các dân tộc thiểu số và của những người bản địa, các quyền của phụ nữ, các quyền của những người tàn tật và vãn vãn. Điều này trong ngữ cảnh sự tương tự trong phần 4 của Tuyên bố rằng "sự thúc đẩy và bảo vệ tất cả các quyền con người là sự quan tâm hợp pháp của cộng đồng quốc tế" đang đạt được ý nghĩa thật sự của nó. Nói cách khác, đường phân chia giữa các vấn đề nhân quyền quốc gia và quốc tế là không còn, không phải vì nó bị phán quyết bởi một số siêu luật, mà bởi vì nó không còn là một biện minh thực tế hay pháp lý. Hơn nữa- điều này quan trọng hơn nhiều- cộng đồng quốc tế ngày nay tự do tuyên bố như vậy.

Ý tưởng tương tự cũng được thấy trong sự diễn đạt một vấn đề khác, cũng quan trọng như thế, nguyên tắc được tuyên bố tại tuyên ngôn Vienna. Phần 5 của văn kiện này đã tuyên bố:

*Tất cả các quyền con người đều mang tính phổ quát, không thể chia cắt, phụ thuộc và liên quan đến nhau. Cộng đồng quốc tế phải đối xử với các quyền con người trên phạm vi toàn cầu một cách công bằng, với cùng một nền tảng và coi trọng như nhau. Trong khi phải luôn ghi nhớ tầm quan trọng của tính đặc thù về dân tộc, khu vực cũng như bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hoá và tôn giáo; các quốc gia, không phân biệt hệ thống chính trị, kinh tế, văn hoá, có nghĩa vụ thúc đẩy và bảo vệ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người.*

Sự công nhận tính phổ biến của quyền con người và từ chối đồng thời thuyết tương đối văn hóa, cái đang tìm kiếm một cách truyền thống để biện minh cho hành vi vi phạm các quyền con người bằng cách tham khảo một số mệnh lệnh tôn giáo, văn hóa đặc biệt, đặt nền tảng cho những nỗ lực toàn cầu để cải thiện tình trạng nhân quyền của mọi con người.

Đọc cùng với nhau, các phần 4 và 5 của Tuyên bố Vienna đã phân ra hai trở ngại chính cho việc thực hiện các quyền con người đó ngăn cản hành động quốc tế có hiệu quả trong quá khứ: sự phân biệt giả tạo giữa các mối quan tâm về nhân quyền trong nước và quốc tế, trên một mặt, và thuyết tương đối văn hóa, mặt khác. Tuyên bố Vienna cũng giải quyết một trở ngại thứ ba: huyền thoại rằng tất cả các chính phủ, dù là dân chủ hay không, có thể bảo vệ quyền con người và là một hình thức nhà nước của một chính phủ không thể được coi là ảnh hưởng đến sự tuân thủ của nó với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế. Hư cấu pháp lý và chính trị này, một sản phẩm khác của Chiến tranh Lạnh, đã buộc cộng đồng quốc tế trong nhiều thập kỷ nhắm mắt lại trước hàng loạt những vi phạm nhân quyền có nguồn gốc từ hệ thống chính trị chống lại sự bảo vệ nhân quyền và nhà nước pháp quyền. Trong phần 8, Tuyên bố Vienna đặt truyền thuyết này trong sự yên

ngiht bằng tuyên bố rằng "dân chủ, phát triển và tôn trọng quyền nhân quyền và các quyền cơ bản của tự do là phụ thuộc lẫn nhau và tăng cường lẫn nhau ". Quy định này tuyên bố sâu hơn rằng "dân chủ dựa trên nguyện vọng được diễn đạt một cách tự do của người dân để quyết định các hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của họ và sự tham gia đầy đủ của họ trong mọi lĩnh vực của đời sống. " Phần 8 đã kết luận bằng sự thúc giục cộng đồng quốc tế "ủng hộ sự lớn mạnh và sự thúc đẩy dân chủ, phát triển và tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do cơ bản trên toàn thế giới".

Quan điểm cho rằng dân chủ thực sự và bảo vệ các quyền con người đi đôi với nhau, một khái niệm mà có thể không được công bố trong Chiến tranh Lạnh, được diễn đạt trước đó trong bối cảnh Đông-Tây với việc ban hành của *Văn kiện Copenhagen năm 1990* trong Kết luận của Hội nghị về An ninh và Hợp tác châu Âu. Tài liệu này đã đặt nền móng cho việc thành lập một trật tự dân chủ của cộng đồng châu Âu.<sup>49</sup> Tuyên bố Vienna có thể áp dụng tương tự đối với thế giới như một tổng thể. Đây không phải là để nói rằng tất cả các quốc gia trên thế giới đã trở thành nền dân chủ, hoặc thậm chí rằng họ đang gần đến mục tiêu này. Thật không may trong việc thụ hưởng các quyền con người, không phải là trường hợp như được nêu ra. Tuy nhiên, nó có nghĩa là sự vắng mặt của dân chủ trong một quốc gia chính là một sự vi phạm quyền con người đối với người dân quốc gia đó và cộng đồng quốc tế có lý do quan tâm đến những nỗ lực được thiết kế để loại bỏ các trở ngại đối với quá trình dân chủ hóa nó.<sup>50</sup>

Trong khi việc loại bỏ của những huyền thoại chính trị và ảo tưởng pháp lý cho phép cộng đồng quốc tế tập trung một cách thực tế hơn vào công cuộc đưa các chính phủ tuân thủ các nghĩa vụ quyền con người của họ, quá trình tiến bộ thực sự trong lĩnh vực này sẽ là chậm chạp. Ngày nay, nó càng được thừa nhận rằng nhiệm vụ này là rất khó khăn, thậm chí ngay cả với những ý định tốt nhất của các chính phủ. Những nguyên nhân cơ bản của các vi phạm nhân quyền là sâu xa. chúng không thể khắc phục được bằng sự định đoạt một mình của chính phủ. Nghèo đói, tham nhũng, bệnh tật, thiếu các nguồn lực giáo dục, kinh tế và chính trị kém phát triển, và vãn vãn là những một vài yếu tố nhưng góp phần vào các hành vi vi phạm các quyền con người, và đây là những vấn nạn không thể giải quyết được ngay. Giải pháp thường không thể có được mà không có nguồn lực tài chính và con người điều mà khan hiếm và yêu cầu sự hợp tác quốc tế. Thực tế là các thiết chế cho vay quốc tế chẳng hạn như Ngân hàng Thế giới và một số ngân hàng phát triển khu vực, đã bắt đầu rót một số nguồn lực của mình vào những nỗ lực để phát triển và củng cố các thể chế quốc gia, có khả năng thúc đẩy nhà nước pháp quyền trong việc thực thi công lý, dân chủ đa nguyên và một tiêu chuẩn giáo dục cao hơn, ngoài các tiêu chuẩn sống cao hơn, là một bước quan trọng trong quá trình của thực thi các quyền con



người. Tuy nhiên, sẽ là sai lầm khi không công nhận rằng điều này sẽ là một quá trình lâu dài và gian khổ.

Trong một số khu vực trên thế giới, những sự tiến bộ rõ rệt đang được tiến hành đến mức sự thực hiện các quyền con người nhận được sự quan tâm. Trong suốt giai đoạn năm duros sự xem xét ở đây, hệ thống các quyền con người dưới Công ước châu Âu về Nhân quyền đã đạt được sự trưởng thành về thể chế. Trên thực tế, đến khi Liên Xô sụp đổ, **Tòa án Nhân quyền châu Âu** đã có tất cả những mục tiêu thực tế đã trở thành tòa án hiến pháp của Tây Âu. Sự gia nhập Công ước châu Âu gần đây của hầu hết các nước Đông và Trung Âu đồng minh cũ của Liên Xô đã có một tương lai của chuyển đổi Tòa án thành Tòa án hiến pháp của toàn châu Âu. Quá trình này có thể mất nhiều thời gian hơn, tuy nhiên, ta có thể giả định từ cái nhìn đầu tiên bởi vì các thành viên mới phải đối mặt với nhiều vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội<sup>51</sup> của một kiểu và một số ít nghiêm trọng hơn, nếu có, của các thành viên Tây Âu phải đối mặt khi họ lần đầu tiên tham gia hệ thống Công ước.

Hệ thống nhân quyền liên Mỹ, cái đến muộn hơn là hệ thống tương tự ở châu Âu của nó, đã bắt lực nhiều năm để thể hiện vai trò chính trong việc cải thiện tình trạng nhân quyền ở các nước châu Mỹ. Mất hàng thập kỷ khu vực này đã nằm trong các chế độ tàn bạo tham gia hàng loạt các vi phạm nhân quyền đằng sau một tấm màn che không bị trừng phạt được duy trì ở đỉnh cao của Chiến tranh Lạnh bằng sự bảo vệ siêu quyền lực. Với sự khởi đầu của quá trình chuyển đổi sang dân chủ trong khu vực này, bắt đầu từ giữa những năm 1980, hệ thống nhân quyền liên Mỹ cuối cùng có thể tập trung vào việc thực hiện. Phán quyết của **Tòa án Nhân quyền liên Mỹ** trong cuối những năm 1980, vạch trần âm mưu tàn ác về những người bị mất tích cho cả thế giới thấy được,<sup>52</sup> đã mở ra cách thức cho Tòa án và Ủy ban liên Mỹ về Nhân quyền giữ một vai trò chủ động hơn nhiều trong việc bảo vệ các quyền con người ở các nước châu Mỹ. Tuy nhiên, không giống Tây Âu, châu Mỹ là một khu vực vẫn còn trong thời kỳ phát triển, với những vấn nạn nghiêm trọng về xã hội và kinh tế, nghèo đói và tham nhũng. Thêm vào đó, ở một số đất nước, quân đội không có thể không còn quyền lực nhưng vẫn còn là một lực lượng thực sự phải tính đến. Tóm lại, sự chuyển đổi sang nền dân chủ trong khu vực là là một quãng đường dài phải đi, điều này không có nghĩa là không có những tiến bộ đáng kể trong vài năm qua. Khi tất cả được nói và làm, điều được giả định của nhiều hoạt động nhân quyền trong những năm 1960 và 1970 rằng trở ngại duy nhất là đối với sự bảo vệ hiệu quả các quyền con người và nền dân chủ thực sự trong khu vực là các chế độ quân sự áp bức được xác nhận một phần bởi kinh nghiệm của mười năm qua. Điều này có thể đúng, tuy nhiên, quá trình đó đang trên con đường không thể đảo ngược được và rằng, trong khi các vấn nạn về nhân quyền của khu vực không thể giải quyết được bằng cách thay thế một

cách đơn thuần là một chính phủ được bầu một cách tự do cho một chế độ quân sự, hệ thống nhân quyền liên Mỹ trong những năm gần đây đã có thể chỉ ra một số thành công thực sự.<sup>53</sup>

Không thể nói đến điều tương tự của hệ thống nhân quyền châu Phi, nơi vẫn còn phải đối mặt với nhiều vấn nạn đã quấy nhiễu hệ thống nhân quyền liên Mỹ hai thập kỷ qua đến khi các chế độ độc tài có liên quan. Nó thậm chí phải đối mặt với nhiều trở ngại to lớn hơn về kinh tế, chính trị và xã hội. Nghèo đói, tham nhũng, kém phát triển, bệnh tật, các xung đột bộ tộc và vô số các trở ngại khác đang ảnh hưởng đến xã hội châu Phi ngày nay làm cho công việc cho Ủy ban châu Phi về các quyền con người và quyền của nhân dân cực kỳ khó khăn. Sự giải phóng của Nam Phi từ phân biệt chủng tộc - tự bản thân nó có thể là những chiến thắng lớn nhất đến nay của các cuộc cách mạng quyền con người - và sự xuất hiện quốc gia đó là quốc gia dân chủ hàng đầu của châu Phi, cũng như các xu hướng triển vọng tiến tới dân chủ trong khu vực, có thể không trong một thời gian dài nhưng làm tăng cường vai trò của Ủy ban châu Phi.

Ủy ban châu Phi, các cơ quan nhân quyền của hệ thống liên Mỹ và các cơ quan của các điều ước được thành lập trong khuôn khổ của Liên Hợp quốc tất cả đều bị ảnh hưởng từ việc thiếu hụt những nguồn lực tài chính. Thực tế này đã sinh ra những hậu quả xấu cho năng lực của chúng để hoàn thành các trách nhiệm. Bi kịch thực sự ở đây là, chính xác tại thời điểm này trong lịch sử khi điều kiện trên hoàn toàn thuận lợi hơn bao giờ hết cho việc thực hiện quyền con người ở mức độ toàn cầu và khu vực, các tổ chức được giao nhiệm vụ thúc đẩy và giám sát quá trình này không thể làm một cách thỏa đáng vì những lý do tài chính. Trong sự kết nối này, nó phải được ghi nhớ trong tâm trí rằng, trong khi các nguồn tài nguyên khan hiếm ở khắp mọi nơi, những lý do thực sự cho ít nhất một số hoạt động cắt giảm ngân sách đang ảnh hưởng đến các cơ quan nhân quyền, có nhiều hơn để làm với mong muốn của một số chính phủ để hạn chế quyền lực của các tổ chức hơn là so với mối quan tâm thật sự về ngân sách. Dựa vào bối cảnh của cuộc cách mạng nhân quyền hiện tại, ngày nay thật dễ dàng hơn về mặt chính trị để cắt giảm ngân sách của cơ quan nhân quyền bằng cách chỉ ra sự thiếu nguồn tài trợ hơn là để cho thấy rằng hoạt động của nó là không quan trọng. Một số trong những vấn đề tài chính phải đối mặt với các tổ chức nhân quyền chắc chắn có thể được quy cho những mưu đồ chính trị này.

### ***Trách nhiệm cá nhân, quyền của các dân tộc thiểu số và can thiệp nhân đạo***

Luật nhân quyền quốc tế tập trung một cách truyền thống vào trách nhiệm của các chính phủ hơn là của các cá nhân, đối với các vi phạm nhân quyền. Sự giả định ở đây là các chính phủ không những không vi phạm nhân quyền mà còn điều chỉnh được các hành vi đang thực hiện trong phạm vi lãnh thổ, để trừng phạt các vi phạm nhân quyền và bảo đảm

các công chức của chính phủ không vi phạm nhân quyền. Mặc dù các phiên tòa xét xử các tội ác chiến tranh sau Chiến tranh Thế giới thứ II, các *Công ước Geneva về luật nhân đạo*, và một số điều ước quốc tế về quyền con người, đặc biệt là *Công ước về Diệt chủng*, đã xác lập trách nhiệm tội phạm quốc tế thuộc về cá nhân đối với một số vi phạm nghiêm trọng nhất của quyền con người, bao gồm cả tội diệt chủng, tội ác chống lại nhân loại và tội ác chiến tranh,<sup>54</sup> luật nhân quyền quốc tế và những nỗ lực để thực thi nó phần lớn tập trung vào các hành vi và nghĩa vụ của chính phủ.

Tiêu điểm này đã chuyển sang một số mở rộng trong những năm gần đây. Có một điều đã trở nên rõ ràng hơn rằng một số chính phủ đơn giản là không có khả năng bảo vệ những vấn đề này trong phạm vi thẩm quyền pháp lý của họ từ những vi phạm nhân quyền được thực hiện bởi các nhóm có quyền lực mạnh mẽ ngay trong đất nước. Điều này là có thực, sự thiết lập quân đội và các đồng minh của nó đang hoạt động bên ngoài môi trường điều chỉnh dân sự. Ở đây khẩu hiệu là không bị trừng phạt; đó là các cá nhân thuộc các nhóm này có ở một số nước có thể thực hiện hành vi vi phạm các quyền con người quy mô lớn trong khi được hưởng một thực tế (*de facto*) miễn trừ truy tố cho những gì, ít nhất trên lý thuyết, là hành vi phạm tội theo quy định của pháp luật của nhà nước, nơi các hành vi vi phạm được thực hiện. Rõ ràng, do đó, người vi phạm tiềm năng sẽ không được nản chí, tham gia vào các vi phạm nhân quyền lớn nếu họ biết rằng họ sẽ luôn luôn hưởng sự miễn trừ trừng phạt trong nước, nhiều nhất, chỉ có nhà nước sẽ phải chịu trách nhiệm quốc tế cho các hành vi của mình.

Những thực tế này đang làm tăng sức ép lên cộng đồng quốc tế để khai thác các cách thức, không chỉ để nắm giữ trách nhiệm của nhà nước, mà còn để hành động trực tiếp chống lại các cá nhân khi nhà quá yếu hoặc không sẵn sàng để trừng phạt. Trong khi một số lớn các nguyên tắc của luật hình sự quốc tế luôn cho phép một cách lý thuyết sự gánh chịu trách nhiệm cá nhân đối với các tội phạm quốc tế, bao gồm một số vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, không tòa án quốc tế nào với thẩm quyền tư pháp để áp dụng luật lệ đó tồn tại trong những thập niên này kể từ khi các tòa án xét xử các tội ác chiến tranh Nuremberg và Tokyo bị giải tán. Tình huống này đã thay đổi trong mấy năm qua với sự thiết lập của Liên Hợp quốc về **Tòa án Quốc tế về Nam Tư cũ** và **Tòa án Quốc tế về Rwanda**, với thẩm quyền tư pháp đối với các tội ác chống lại loài người, tội diệt chủng và các tội phạm chiến tranh được thực hiện bên trong các lãnh thổ đó.<sup>55</sup> Liên Hiệp quốc bây giờ cũng trong quá trình thành lập một tòa án tội phạm quốc tế thường trực. Hơn nữa, một số cơ quan điều tra quốc tế, chẳng hạn như **Ủy ban Sự thật Liên Hợp quốc về El Salvador**,<sup>56</sup> trong khi không tòa án quốc tế nào có thẩm quyền hình sự, đang được tạo ra trong phạm vi rộng lớn xuyên qua quốc gia để xuyên thủng tấm mạng quốc gia của miễn bị trừng phạt và để sửa chữa trách nhiệm cá nhân. Cộng đồng quốc tế cũng

đang bắt đầu phát triển các học thuyết pháp lý có thể chống lại các chính phủ cấp lệnh ân xá để tha bổng những kẻ vi phạm nhân quyền, một thực tế có xu hướng bị áp đặt đối với những chính phủ yếu bởi chế độ quân sự hoặc bởi các nhóm quyền lực trước khi chuyển giao quyền lực cho chính quyền dân sự.

Những phản ứng với thực tiễn quốc tế mới, trong khi vẫn đang trong giai đoạn hình thành, đề xuất rằng các khái niệm về trách nhiệm quốc tế đối với các hành vi vi phạm nhân quyền phạm vi lớn đang mở rộng để bao gồm các cá nhân và các nhóm cùng với các chính phủ. Nếu cá nhân được coi là có quyền theo luật pháp quốc tế về quyền con người hơn bao giờ hết, nó có lý để áp đặt các nghĩa vụ tương ứng trên những kẻ vi phạm để không vi phạm các quyền này và buộc họ chịu trách nhiệm quốc tế đối với những vi phạm nhân quyền được bảo vệ ở phạm vi quốc tế. Cách tiếp cận này trong thời gian dài có thể đáp ứng như một biện pháp tốt hơn để chống lại các vi phạm nhân quyền so với việc áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế chống lại một quốc gia mà chính phủ của nó có thể đã bất lực tại một thời gian nhất định để ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có hiệu lực sau ủy ban của họ.

Các khái niệm luật pháp quốc tế về sự ổn định và trách nhiệm của quốc gia, trong khi các nguyên tắc có hiệu lực, có thể gây hậu quả bất công trong thế giới ngày nay. Chúng có thể buộc các chính phủ mới được bầu của các quốc gia nghèo khó phải bồi thường thiệt hại cho các vi phạm nhân quyền được thực hiện bởi kẻ tiền nhiệm độc tài của họ, mà không cho họ một sự trợ giúp quốc tế, các công cụ và biện pháp khắc phục hậu quả để có thể buộc các cá nhân chịu trách nhiệm phải bị các sẽ được tổ chức quốc tế giam giữ để chịu trách nhiệm pháp lý về lỗi lầm của họ. Trong sự vắng mặt của các biện pháp khắc phục hậu quả đó, một chính phủ dân chủ mới được thiết lập, với các nguồn lực kinh tế đã bị suy kiệt nghiêm trọng bởi một chế độ độc tài, có thể bị buộc bồi thường cho các vi phạm nhân quyền thực hiện bởi chế độ đó trong khi những cựu lãnh đạo -những kẻ này phải chịu trách nhiệm cho các vi phạm- sống trong xa hoa, thường xuyên ra nước ngoài, và bởi vậy không bị trừng phạt. Một hệ thống quốc tế có hiệu lực để buộc các cá nhân này chịu trách nhiệm pháp luật một cách cá nhân là một vấn đề của luật quốc tế và ngăn chặn các các lệnh tha bổng quốc gia được ban hành dưới áp lực đang đi một chặng đường dài để ngăn cản những vi phạm nhân quyền và chỉ bảo đảm một cách tiếp cận nhiều hơn đến toàn bộ vấn đề này. Thực tế rằng cộng đồng quốc tế ngày nay đang dịch chuyển theo hướng này là một sự phát triển đáng hoan nghênh.

Trong những năm gần đây chúng ta cũng nhìn thấy những mối quan tâm được nổi lại bởi cộng đồng quốc tế trong việc thiết lập các quy phạm và các thể chế quốc tế để bảo vệ các quyền của các cá nhân thuộc các dân tộc, các chủng tộc, các tộc người, các ngôn ngữ hoặc tôn giáo của các dân tộc thiểu số. Điều này xứng đáng để nhắc nhở rằng Hiến

chương Liên Hợp quốc chứa đựng điều khoản lớn về không phân biệt đối xử nhưng đã không đề cập đến các quyền của người thiểu số trên thực tế. Điều này cũng đúng với Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền, tuy nhiên, chứa đựng một điều khoản bảo vệ bình đẳng<sup>57</sup> cũng như là các quy định về không phân biệt đối xử đang được mở rộng nhiều hơn về phạm vi so với Hiến chương.<sup>58</sup> *Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị 1966*, có một quy định khá chung về chủ đề này.<sup>59</sup> Điều này là thực, tất nhiên, rằng để mở rộng điều đó *Công ước về Diệt chủng* đã hình sự hóa các hành động được thiết kế để xóa bỏ một số nhóm dân tộc, các tộc người, các tôn giáo trên thực tế, điều này có thể cá biệt hóa như một công cụ cho sự bảo vệ các quyền của các dân tộc thiểu số, mặc dù điều này là rất hạn chế trong phạm vi.<sup>60</sup> Trên tổng thể, tuy nhiên, đã có một chút quan tâm có liên quan của cộng đồng quốc tế trong suốt những năm hình thành của Liên Hợp quốc và các tổ chức quốc tế và khu vực sau Chiến tranh Thế giới thứ II trong sự thiết lập của các hệ thống quốc tế để bảo vệ các quyền của các dân tộc thiểu số. Sự vắng mặt của các điều khoản phù hợp về chủ đề này trong *Hiến chương Liên Hợp quốc* có thể được giải thích, ít nhất là một phần, do sự phản đối của các quốc gia Đông và Trung Âu. Các nước này tin rằng nhiều phong trào đòi lại lãnh thổ, được khuyến khích bởi Hitler và các đồng minh của hắn, đã có nguồn gốc từ hệ thống cơ quan về dân tộc thiểu số của Hội Quốc liên. Cho dù đúng hay không, việc không nhắc đến các dân tộc thiểu số trong *Hiến chương Liên Hiệp Quốc* và *Tuyên ngôn nhân quyền 1948* có liên quan đến những thái độ này.<sup>61</sup>

Sự tan rã của đế chế Liên Xô, các chính sách vô nhân đạo 'thanh trừng sắc tộc' đi kèm với sự tan rã của Nam Tư cũ và các mối đe dọa của động tương tự ở các vùng khác trên thế giới một lần nữa tập trung sự chú ý của quốc tế về sự cần thiết của bảo vệ quốc tế đối với các dân tộc thiểu số. Các nỗ lực đặt ra các nền tảng pháp lý cho một hệ thống có thể hoàn thành mục tiêu này đã được đề xuất bởi Liên Hợp quốc với sự ban hành bởi Đại Hội đồng *Tuyên ngôn về Quyền của những người thuộc các dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ thiểu số 1992*,<sup>62</sup> trong Hội đồng châu Âu, với sự ban hành *Công ước 1994 về khuôn khổ bảo vệ các dân tộc thiểu số*,<sup>63</sup> và trong Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE), với *Văn kiện Kết luận Copenhagen 1990* và một số văn kiện của OSCE sau này về chủ đề đó, được tiếp nối bởi sự thành lập Văn phòng của Cao ủy OSCE về các Dân tộc Thiểu số năm 1992.<sup>64</sup>

Xét rằng chúng ta sống trong một thế giới mà chủ nghĩa dân tộc cực đoan và các hình thức khác nhau hoặc phân biệt chủng tộc, dân tộc và tôn giáo đang gia tăng, là an toàn để dự đoán rằng các nỗ lực quốc tế để bảo vệ các dân tộc thiểu số sẽ ngày càng chiếm được sự chú ý của cộng đồng quốc tế và có ảnh hưởng lớn hơn đến các hoạt động lập pháp và thể chế trong lĩnh vực này. Như vậy, chúng ta có thể đến được phạm vi đầy đủ từ hệ thống dân tộc thiểu số được thành lập của Hội Quốc liên, sự bỏ rơi nó bởi những người

sáng lập của Liên Hiệp Quốc, đến nhận thức rằng thực tế quốc tế hiện nay đòi hỏi phải có sự hồi sinh của những ý tưởng đã dẫn đến sự nổi lên của các hệ thống Liên đoàn và sự lan tỏa của một tổ chức mới về nhân quyền trong chủ đề này.

Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc ngày nay cũng ngày càng hành động tăng lên để đối phó với các vi phạm nhân quyền quy mô lớn bằng cách cho phép các biện pháp cưỡng chế thi hành theo quyền hạn *Chương VII của Hiến chương Liên Hiệp Quốc* trao cho nó. Chương này áp dụng đối với các tình huống được quyết định bởi Hội đồng Bảo an để xác định "một mối đe dọa đối với hòa bình, vi phạm của hòa bình, hoặc hành động xâm lược".<sup>65</sup> Hành động như vậy đã được thực hiện bởi Hội đồng Bảo an trong một số quyết định của mình liên quan đến người Kurd ở Iraq, Somalia, Nam Tư cũ, Haiti và những trường hợp khác. Trong khi vẫn còn quá sớm để khẳng định rằng những trường hợp này và những trường hợp liên quan đã thiết lập một cách vững chắc nguyên tắc rằng những vi phạm lớn về nhân quyền sẽ được cân nhắc bởi Hội đồng Bảo an để tạo thành một nền tảng pháp lý thích hợp cho hành động theo Chương VII, rõ ràng rằng Hội đồng Bảo an đang di chuyển theo hướng này.<sup>66</sup> Những gì chúng ta đang thấy ở đây là sự xuất hiện của một phiên bản hiện đại của can thiệp nhân đạo tập thể, trong đó có cơ sở của nó trong sự hội tụ của hai sự phát triển quan trọng: sức mạnh ngày càng tăng của Hội đồng Bảo an trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh và sự bất bình ngày càng tăng của cộng đồng quốc tế để chịu đựng các hành vi vi phạm lớn về nhân quyền. Chỉ có thời gian sẽ cho biết liệu vũ khí tối thượng của cộng đồng quốc tế, để đối phó với các hành vi vi phạm thực sự nghiêm trọng các quyền con người trên thực tế, được sử dụng để thúc đẩy các nguyên nhân các quyền con người hơn là một số mục tiêu chính trị không liên quan, một thực tế đã mang học thuyết cũ của can thiệp nhân đạo vào danh tiếng xấu.

## **KẾT LUẬN**

Trong vòng 50 năm qua, cá nhân con người ngày càng nhận được sự công nhận quốc tế nhiều hơn về các quyền và nghĩa vụ. Từ góc độ này, con người tự mình đã trở thành những đối tượng của luật quốc tế. Sự phát triển này đem lại ý nghĩa cho tiến trình nửa thế kỷ qua đã chứng kiến sự quốc tế hóa các quyền con người và nhân đạo hóa luật pháp quốc tế. Cái chúng ta có ở đây vẫn là một quá trình đang phát triển, đã bắt đầu với sự ra đời của *Hiến chương Liên Hợp quốc* và tiếp tục đến ngày nay với những tiến triển được mô tả trên.

50 năm qua cũng nhìn thấy một sự mở rộng to lớn về ý nghĩa của nhân quyền quốc tế. Một mặt, nó đã bắt đầu với nền tảng về các quyền về dân sự và chính trị, một mặt là các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa, tiếp tục phát triển dần danh mục của các quyền mới hoặc có liên quan. Hơn nữa, khái niệm của luật quốc tế về thẩm quyền tư pháp quốc gia,

cái mà trong quá khứ đã che chắn cho các các chính phủ độc tài chống lại sự lên án của quốc tế, đã trở thành lỗi thời thiếu ý nghĩa hiện nay cho đến khi việc thúc đẩy các quyền con người được quan tâm. Người ta chỉ cần so sánh nội dung của *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948* với *Tuyên bố Vienna và Chương trình Hành động 1993* để nhận ra những thay đổi về khái niệm đầy kịch tính đã diễn ra trong lĩnh vực nhân quyền quốc tế. Ngày nay rõ ràng rằng dân chủ đa nguyên là một hình thức của chính phủ đang nhanh chóng trở thành một nguyên tắc cơ bản của trật tự công cộng mà cộng đồng thế giới đang thúc đẩy. Những gì khởi hành như là một nỗ lực nửa vời để trả tiền cho những tuyên truyền xuyên biên giới về khái niệm về quyền con người đã từng bước sản sinh ra những phong trào thế giới với những ý nghĩa chính trị lớn lao.

Tất nhiên, vẫn còn có những sự cách biệt rộng lớn giữa những lời tuyên bố của những nguyên tắc cao thượng với thực tế quan sát được của các quyền con người trên nhiều khu vực của thế giới. Không điều gì trong số này phải ngạc nhiên, xem xét các vấn đề nhiều quốc gia phải đối mặt một cách nghiêm trọng và những trở ngại mà phải vượt qua để chuyển dịch các quy tắc quốc tế thành các biện pháp bảo vệ chống lại vi phạm nhân quyền nói chung và ở các khu vực cụ thể đặc biệt. Tóm lại, các văn bản quy phạm và thành tựu về thể chế trong lĩnh vực quyền con người không nên làm chúng ta mù quáng đối với thực tế là thực hiện có hiệu quả các quyền con người cần có thời gian và nguồn tài nguyên rộng lớn và rằng, trong khi có thể bởi sắc lệnh chính phủ để chấm dứt một số hành vi vi phạm nhân quyền, điều này là không đúng đối với sự phổ biến của lạm dụng nghiêm trọng trong những xã hội, vùng miền hoặc quốc gia nhất định. Tuy nhiên không thể phủ nhận rằng cộng đồng quốc tế đang thực hiện các bước đi quan trọng đúng hướng đến mức việc thực hiện được quan tâm, và điều đó đã có một số thành công đáng kể. Sự kết thúc của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự sụp đổ của các đế chế Liên Xô, và quá trình chuyển đổi dân chủ đã được thiết lập trong sự chuyển dịch của một số vùng trên thế giới, trong khi không thể quy một cách độc quyền cho cuộc cách mạng nhân quyền, sẽ chắc chắn sẽ không diễn ra mà không có nó.

Những nỗ lực gần đây của cộng đồng quốc tế để buộc các cá nhân, và không chỉ các quốc gia, chịu trách nhiệm quốc tế về vi phạm nhân quyền, và điểm nhấn mới về bảo vệ các quyền của các nhóm thiểu số, là một phát triển đáng hoan nghênh, như là vai trò của Hội đồng Bảo an đang bắt đầu thực hiện theo *Chương VII của Hiến chương Liên Hiệp quốc* trong việc đối phó với các hành vi vi phạm lớn về quyền con người. Cùng với sự tham gia của các tổ chức cho vay quốc tế trong nhiệm vụ thúc đẩy các quyền con người. Những điều này và một số hoạt động khác gần đây không gian đó đã không cho phép chúng ta để khám phá đầy đủ trong chương này tất cả các lý do đối với sự trưởng thành thực sự của phương pháp tiếp cận của cộng đồng quốc tế đối với nhân quyền.

## Chú thích

---

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50



---

51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66